

Tính từ tận cùng bằng -ing & -ed trong tiếng Anh

A. Ví dụ mệnh đề -ing, mệnh đề -ed trong tiếng Anh

Có nhiều tính từ tận cùng bởi **-ing** và **-ed**. Ví dụ **boring** và **bored**. Hãy xét tình huống sau:

- Jane has been doing the same job for a very long time. Every day she does exactly the same thing again and again. She doesn't enjoy it any more and would like to do something different. Jane đã và đang làm cùng một công việc trong một thời gian dài. Mỗi ngày cô ấy cứ làm đi làm lại chỉ cùng một công việc đó. Cô ấy không thích công việc đó nữa và muốn làm một việc gì đó khác hơn. - Jane's job is boring. Công việc của Jane thật nhàm chán. - Jane is bored (with her job). Jane đang chán nản (với công việc của mình).

Ta nói ai đó **bored** nếu có điều gì đó (hay ai đó) **boring**. Hoặc khi có điều gì đó là **boring**, nó làm cho bạn **bored**.

Vậy ta nói:

- Jane is bored because her job is boring. Jane đang chán vì công việc của cô ấy nhàm chán. - Jane's job is boring, so Jane is bored. (không nói 'Jane is boring') Công việc của Jane nhàm chán, vì vậy Jane thấy chán nản.

Nếu một người là **boring**, thì có nghĩa người đó làm cho người khác **bored**:

Ví dụ:

- George always talks about the same thing. He's really boring. George luôn nói về cùng một việc. Cậu ấy thật là chán.

B. So sánh các tính từ tận cùng bằng -ing và -ed

Bảng sau so sánh cách sử dụng và ý nghĩa của các tính từ tận cùng bằng **-ed** và **-ing**:

Tận cùng bằng -ing	Tận cùng bằng -ed
boring. interesting. My job is tiring. satisfying.	- I'm bored with my job. Tôi cảm thấy chán công việc của tôi. - I'm not interested in my job any more. Tôi không còn hứng với công việc của tôi nữa. - I'm always tired when I finish work. Tôi luôn thấy mệt mỗi khi làm

I depressing.	I	xong việc. - I'm not satisfied with my job. Tôi không thỏa mãn với công việc của tôi. - My job makes me depressed. Công việc của tôi làm cho tôi nản lòng.
Các tính từ đuôi -ing nói với bạn về công việc.		ác tính từ có đuôi -ed cho bạn biết một người nào đó cảm thấy thế nào (về công việc).

Tương tự, bạn so sánh từng cặp tính từ khác như trong bảng dưới đây:

Tận cùng bằng -ing	Tận cùng bằng -ed
Interesting	Interested
- Julia thinks politics is very interesting. Julia cho rằng chính trị rất thú vị. - Julia is very interested in politics. Julia rất quan tâm đến chính trị.	- Did you meet anyone interesting at the party? Anh có gặp người nào thú vị ở bữa tiệc không? - Are you interested in buying a car? I'm trying to sell mine. Anh có thích mua xe hơi không? Tôi đang lo bán cái xe của tôi đây.
Surprising	Surprised
- It was quite surprising that he passed the examination. Thật đáng ngạc nhiên là anh ấy đã thi đậu.	- Everybody was surprised that he passed the examination. Mọi người đều ngạc nhiên là anh ấy đã thi đậu.
Disappointing	Disappointed
- The film was disappointing. I expected it to be much better. Bộ phim thật thất vọng. Tôi đã nghĩ rằng nó hay hơn nhiều.	- I was disappointed with the film. I expected it to be much better. Tôi thất vọng về bộ phim. Tôi đã nghĩ rằng nó hay hơn nhiều.
Shocking	Shocked
- The news was shocking. Tin tức đã gây chấn động.	- We were very shocked when we heard the news. Chúng tôi đã rất sốc khi nghe tin.

